TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/DS-ST
Ngày: 22-5-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Mỹ Dung**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Hiệp
Ông Trương Thành Tuấn

-Thư ký phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Anh Đào** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: **Bà Trần Thị Mỹ Phương –** Kiểm sát viên

Ngày **22** tháng **5** năm **2019** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST- DS ngày 25 tháng 2 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Thu T sinh năm: 1967 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 19, ấp Hòa P, TT A, huyện C,tỉnh An Giang.

-*Bị đơn*: Bà Phạm Thị Thu D, sinh năm: 1970 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp Hòa L, TT A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 19/2/2019 và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phan Thị Thu T trình bày:

Vào cuối tháng 11 năm 2018 al, cô Phạm Thị Thu D có mượn của bà số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) để chuộc vàng về đi đám giỗ mẹ của cô. Hẹn trong vòng 10 ngày sẽ hoàn trả đủ số tiền này lại cho bà, bà không tính tiền lãi

Sau đó, quá thời gian hẹn, cô Phạm Thị Thu Dkhông thực hiện lời hứa, chỉ hứa lần lựa, nại ra nhiều lý do không trả cho bà được đồng nào. Tại đơn khởi kiện bà Phan Thị Thu Tyêu cầu Bà Phạm Thị Thu D phải có nghĩa vụ trả số tiền 80.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Phan Thị Thu T yêu cầu Bà Phạm Thị Thu D phải có nghĩa vụ trả số tiền 80.000.000 đồng và bà rút lại không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với bị đơn Bà Phạm Thị Thu D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà D vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của bà D tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì bà D có hộ khẩu thường trú tại ấp Hòa L, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: **Về tố tụng**: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án**: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1]**Về thủ tục tố tụng**: Bà Phạm Thị Thu D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng Bà Phạm Thị Thu D vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bà Phạm Thị Thu D theo quy định pháp luật.

[2]**Về nội dung tranh chấp:**

[2.1] Tại đơn khởi kiện ngày 19/2/2019 bà Phan Thị Thu Tkhởi kiện yêu cầu Bà Phạm Thị Thu D phải trả số tiền vốn là 80.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà Thủy rút lại yêu cầu không yêu cầu tính lãi suất mà yêu cầu bà D trả tiền vốn 80.000.000 đồng. Xét thấy, đối với việc rút lại một phần yêu cầu của nguyên đơn là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Nghĩ nên chấp nhận là phù hợp.

[2.2] Mối quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa bà Phan Thị Thu Tvà Bà Phạm Thị Thu D trên thực tế là có xảy ra trên cơ sở hai tờ biên nhận mượn tiền với số tiền 80.000.000 đồng. Trong quá trình vay nợ bà Dkhông đóng lãi và không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Tại phiên tòa hôm nay bà Thủy yêu cầu bà D phải trả một lần số tiền còn thiếu là 80.000.000 đồng. Còn Bà Phạm Thị Thu D trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm thì bà Dkhông đến tòa tham gia hòa giải và cũng như không cung cấp chứng cứ cũng như văn bản để có ý kiến về việc khởi kiện của bà Thủy. Do đó bà D phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ chứng minh của mình. Xét thấy, trong mối quan hệ vay tài sản Bà Phạm Thị Thu D là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả vốn khi đến hạn. Việc vi phạm này đã ít nhiều cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà T , buộc bà D phải có nghĩa vụ trả nợ một lần số tiền 80.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu T được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp

- Bà Phạm Thị Thu D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu T

2.Buộc Bà Phạm Thị Thu D phải có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Thu Tsố tiền **80.000.000 đồng** (Tám mươi triệu đồng)

3.Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu Tđối với yêu cầu rút lại phần lãi suất

5.Về án phí dân sự sơ thẩm**:**

- Bà Phan Thị Thu T được nhận lại 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014086 ngày 25 tháng 2 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Bà Phạm Thị Thu D phải chịu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm

6.Về kháng cáo**:** Bà Phan Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/5/2019). Bà Phạm Thị Thu D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7.Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung